



CATALOG

SẢN PHẨM

CÔNG TY CP TM XD NHÔM KÍNH NGỌC ANH

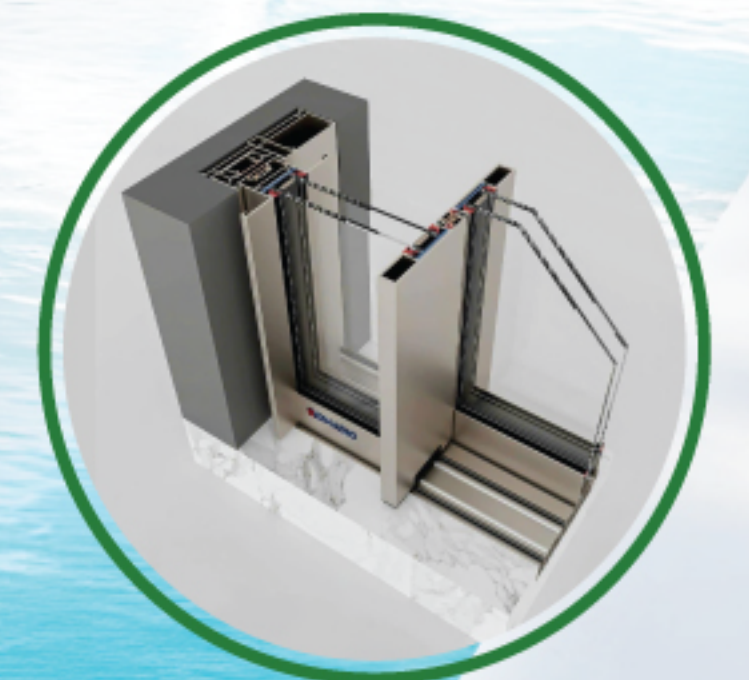
Địa chỉ: 129A Phạm Văn Bạch, Phường Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh

Nhà máy sản xuất: 346A Đường Lục Viên, Ấp Đức Hạnh 2, Xã Đức Lập, T. Tây Ninh

Điện thoại: 0902 41 9293 - 0986 36 9293

Email: ceo.ngocanhvn@gmail.com

Website: www.nhomkinhngocanh.com



MỤC LỤC

Lời giới thiệu	03
Nhôm Aluprof	07
Nhôm Romadio	09
Nhôm Maxpro	11
Nhôm Hondalex	13
Nhôm Xingfa Class_A	15
Nhôm Slim	17
Nhôm Xingfa	19
Giải pháp kính	21
Giải pháp Phụ Kiện	23
Mặt dựng	25
Cửa nhôm cầu cách nhiệt	27
Cửa thủy lực	29
Cửa nhôm vân gỗ	31
Cửa nhôm uốn vòm	33
Cửa nhôm kính hộp	35
Nhôm tấm tổ ong	37
Cabin phòng tắm kính	39
Cầu thang	41
Tủ áo	43
Tủ bếp	45
Tủ nhôm nội thất	47





LỜI GIỚI THIỆU

Kính gửi Quý Khách Hàng - Quý Đối Tác

Ngọc Anh Door trân trọng giới thiệu Catalogue sản phẩm - tài liệu thể hiện tư duy kỹ thuật và triết lý của chúng tôi:

Giải pháp đúng nhất - An toàn nhất - Bền vững nhất cho từng công trình.
Chúng tôi xem cửa nhôm kính không chỉ là vật liệu hoàn thiện, mà là yếu tố hình thành giá trị sử dụng lâu dài và thẩm mỹ kiến trúc.

"Một bộ cửa tốt không phải đắt nhất - mà là phù hợp nhất."

CATALOGUE - TÀI LIỆU GIẢI PHÁP, KHÔNG CHỈ LÀ DANH MỤC SẢN PHẨM

Mỗi công trình có Kiến trúc - Môi trường - Ngân sách khác nhau.

Chúng tôi phân tích đầy đủ:

- Kiến trúc - kết cấu
- Hướng nắng - gió - môi trường ven biển
- Công năng từng vị trí cửa
- Mức cách âm - cách nhiệt
- Tải trọng gió
- Ngân sách đầu tư

HỆ SINH THÁI SẢN PHẨM - LỰA CHỌN THEO TIÊU CHUẨN

a. Nhôm Châu Âu (EU - Ba Lan - Italy)

Hiệu năng cao, thẩm mỹ sang trọng → Phù hợp biệt thự, villa.

b. Nhôm liên doanh Nhật Bản

Ổn định - bền - tối ưu chi phí → Dành cho nhà phố cao cấp, showroom.

c. Nhôm nhập khẩu Trung Quốc

Mẫu mã đa dạng - giá trị thực → Phổ biến cho công trình dân dụng.

d. Nhôm nội địa thương hiệu lớn

Tiến độ nhanh - giá tốt → Phù hợp dự án đồng bộ - khu đô thị.

GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ CẤU THÀNH MỘT BỘ CỬA HOÀN CHỈNH

A. KÍNH - Yếu tố an toàn & hiệu năng

Cường lực - An toàn - Kính hộp - Low-E - Solar Control - Chống ồn, chống nóng. Lựa chọn theo hướng nắng, công năng, tải gió, yêu cầu cách âm - tiết kiệm năng lượng.

B. PHỤ KIỆN - Trái tim vận hành

Từ Kinlong, CME, Draho, Roto, AG: Vận hành êm - An toàn - Tuổi thọ cao - Đồng bộ theo từng hệ nhôm.

C. VẬT TƯ PHỤ - Chi tiết tạo nên độ bền

Gioăng EPDM, vít inox 304, ke góc tiêu chuẩn, silicone trung tính A500. Những yếu tố nhỏ nhưng quyết định 70% độ bền - độ kín nước - kín gió.

CÔNG NGHỆ & MÁY MÓC BẢO CHỨNG CHẤT LƯỢNG

- Máy cắt CNC 2-4 đầu
- Dây chuyền kiểm soát sai số
- Máy ép góc tự động
- Máy bắn keo silicone tự động
- Máy phay - Đột - Soi chính xác

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG TỈ MỈ ĐẾN TỪNG MILIMET

- Kiểm tra nghiêm ngặt: sai số cắt - ép góc, độ phẳng kính, khe hở cánh - khung, màu sơn, gioăng, lỗ thoát nước, vít siết lực.
- Tất cả được đối chiếu bằng checklist kỹ thuật để đảm bảo sản phẩm đạt chuẩn cao nhất.

CAM KẾT CỦA NGỌC ANH DOOR

- Giải pháp phù hợp nhất cho từng công trình
- Minh bạch Vật tư - Cấu hình - Tiêu chuẩn
- Không đánh đổi chất lượng để giảm giá
- Thi công chuẩn - bảo hành rõ ràng
- Đồng hành trong suốt vòng đời công trình

TẦM NHÌN

"Một bộ cửa tốt không phải là bộ cửa đắt nhất, mà là bộ cửa Phù hợp - An toàn - Bền vững nhất cho công trình."

NHÔM ALUPROF

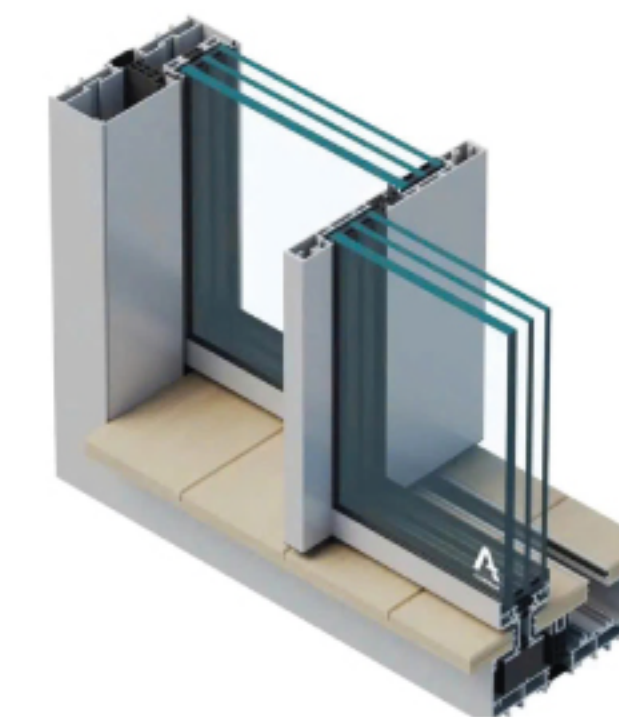
Đăng cấp châu Âu - Tiêu chuẩn toàn cầu

Nguồn gốc: _____

Thương hiệu ALUPROF S.A., 70+ năm, sản xuất tại Ba Lan-EU, đạt chuẩn EN-CE-QUALICOAT-QUALIDECO-Anod 10-25 micron.

Sản xuất - Công nghệ: _____

Hợp kim 6000-series; đùn ép chính xác; sơn tĩnh điện 60-80 micron; anod 10-25 micron; cách nhiệt PA66+GF; gioăng EPDM; phụ kiện EU; kiểm định kín khí-kín nước-chịu gió-chống cháy EI15→EI120.



Độ dày Profile: _____

- 1.4-2.4 mm (cửa - cửa sổ)
- 2.0-3.5 mm (mặt dựng)
- Tối đa 4.0 mm cho Unitized

Các hệ nhôm: _____

- MB-104 Passive
- MB-86/86N
- MB-77HS
- MB-SR50N/HI+
- MB-78EI
- Lam nhôm - Pergola.

Ưu điểm: _____

- Bền màu 15-20 năm
- Cách âm - cách nhiệt tốt
- Độ kín khí - kín nước cao
- Phù hợp cửa & mặt dựng lớn
- Chứng chỉ EU đầy đủ.

Nhược điểm: _____

- Giá cao
- Thời gian nhập lâu
- Thi công yêu cầu kỹ thuật cao.

NHÔM ROMADIO

Nghệ thuật & Kỹ thuật từ Ý

Nguồn gốc - Sản xuất: _____

Thiết kế & tiêu chuẩn từ Milano - Italy;
OEM tại Trung Quốc theo công nghệ Ý;
CO-CQ đầy đủ.

Profile - Kỹ thuật: _____

Nhôm 6063-T5/T6, dày 1.6–2.2 mm;
kính 5-52 mm; cách âm 38-40 dB, kín
nước E1200.

Panorama Slim: _____

Khung 19 mm, ray âm, tầm nhìn tối đa.

Công nghệ bề mặt: _____

- MED (mờ chuẩn Ý - bền 25-30 năm)
- Powder
- PVDF
- Vân gỗ

Hệ sản phẩm: _____

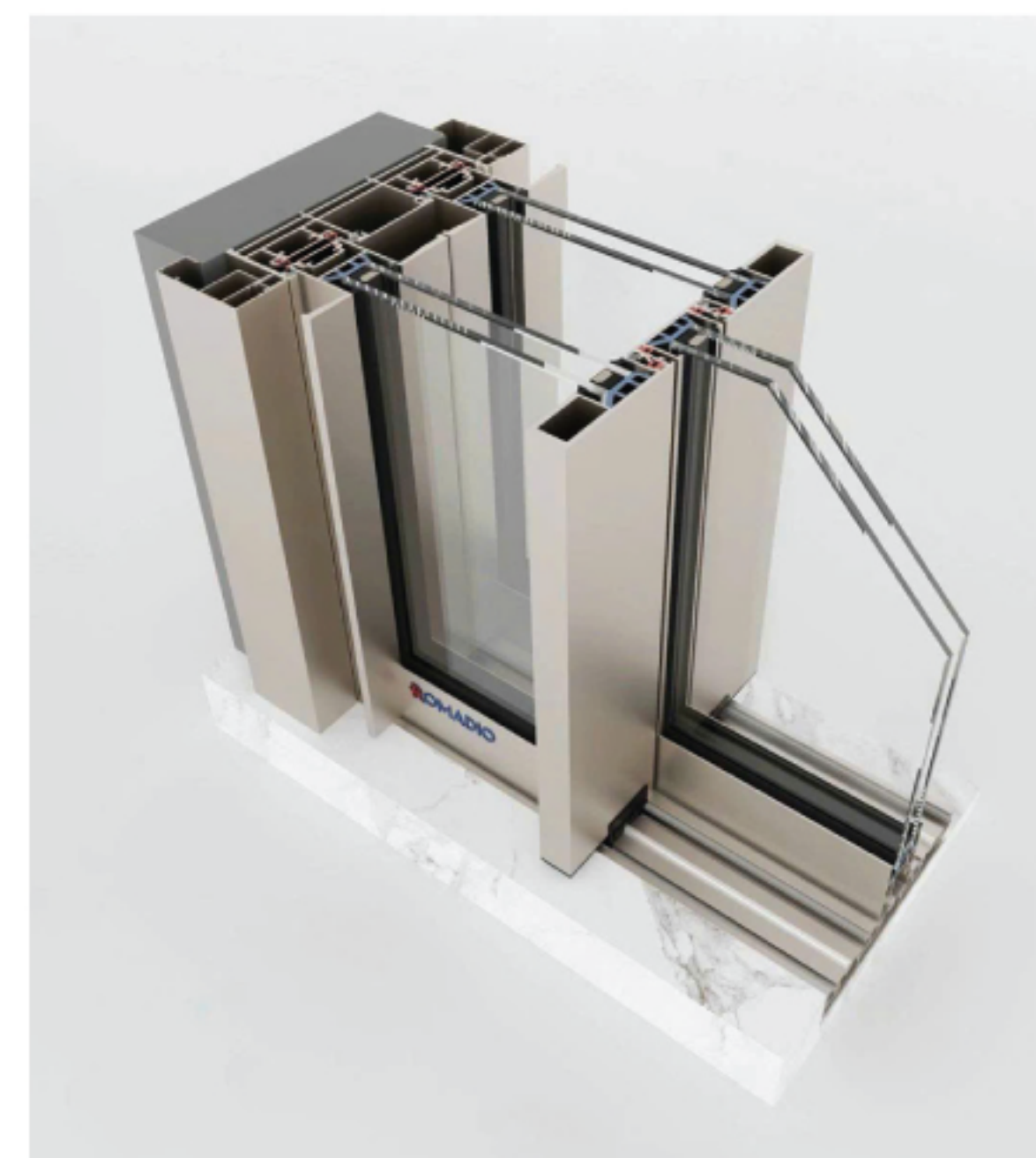
- R-Series (cầu cách nhiệt)
- M-Series (không cầu)
- L-Series (slim nội thất)
- F-Series (lan can – mái kính)
- B-Series (vách tắm)

Ưu điểm: _____

- Thiết kế mảnh - sang
- Bề mặt bền màu
- Phụ kiện châu Âu

Nhược điểm: _____

- Giá cao hơn trung cấp
- Thời gian đặt hàng lâu



NHÔM MAXPRO

Chuẩn mực công nghệ Nhật Bản

Nguồn gốc - Sản xuất: _____

Công nghệ Nhật, sản xuất tại LIXIL VINA (Đồng Nai) - tiêu chuẩn JIS.

Độ dày Profile: _____

1.0-2.5 mm tùy hệ

Công nghệ bề mặt: _____

Anodize ED (bền màu), TEXGUARD (chống bám bẩn - trầy), sơn AAMA (chống UV).



Hệ nhôm: _____

- R55-R70 (cửa sổ)
- 65-65Plus (cửa đi)
- 80-115 (cửa lớn - xếp trượt)
- Lan can Mega/Titan/Saphia/Solex.



Ưu điểm: _____

- Bền màu
- Chống ăn mòn
- Kín nước
- Cách âm
- Chịu gió cao

Nhược điểm: _____

- Giá cao hơn phổ thông
- Màu chưa đa dạng
- Hệ lớn cần phụ kiện đồng bộ

NHÔM HONDALEX

Tinh hoa luyện kim nhật bản

Nguồn gốc - Sản xuất:

Hondalex phát triển theo tiêu chuẩn Nhật, hợp tác Honda Metal Industries. Nhà máy tại VSIP Bình Dương, dây chuyền khép kín, hợp kim 6063-T5/T6, không dùng nhôm tái chế. Chuẩn ISO 9001:2015 & JIS.

Profile - Kỹ thuật:

Nhôm 6063-T5/T6, dày 1.6-2.2 mm; kính 5-52 mm; cách âm 38-40 dB, kín nước E1200.

Độ dày profile:

1.2 - 2.2 mm tùy hệ cửa đi - cửa sổ - cửa lùa - mặt dựng

Công nghệ bề mặt:

- Anod JIS (bền màu 10-20 năm)
- ED (mịn - bám tốt)
- Sơn tĩnh điện (đa màu - kháng UV).

Các hệ nhôm:

- LV50 (cửa nhẹ)
- LV56 (cửa đi)
- LV60 (cửa lùa)
- LV70 (cách âm)
- LV120 (mặt dựng)
- LV150 (khổ lớn)

Ưu điểm:

- Bền màu
- Ổn định
- Thẩm mỹ cao
- Thi công dễ
- Phù hợp nhiều công trình

Nhược điểm:

- Giá cao hơn trung cấp
- Thời gian đặt hàng lâu.



NHÔM XINGFA CLASS A

Giải pháp kinh tế ổn định



Nguồn gốc - Sản xuất:

Xingfa (1984, Quảng Đông - Trung Quốc), Top 4 nhôm kiến trúc thế giới. Class A sản xuất tại Huadu và Sanshui, tiêu chuẩn GB/T 5237 - ISO 9001. Nhận diện: dập nổi XINGFA - GUANGDONG, tem QR, CO/CQ.

Profile - Kỹ thuật:

Nhôm 6063-T5/T6, dày 1.6-2.2 mm; kính 5-52 mm; cách âm 38-40 dB, kín nước E1200.

Các hệ chính:

- 55 (quay - hất)
- 63/65/66 (trượt)
- 70 (quay tải lớn)
- 72/93 (trượt panorama)
- 90 (xếp gấp)
- 103/108 (nâng trượt)
- Curtain Wall
- Thermal Break.

Ưu điểm:

- Bền - ổn định
- Kín khít - chịu gió cao
- Đa dạng hệ
- Bề mặt chất lượng

Nhược điểm:

- Giá cao
- Cần đơn vị thi công chuẩn
- Thị trường nhiều hàng giả



NHÔM SLIM

Giải pháp viền mảnh, tầm nhìn mở rộng

Nguồn gốc - Sản xuất:

Dòng nhôm viền mảnh từ châu Âu (Italy, Ba Lan, Đức), sản xuất theo tiêu chuẩn EN/ASTM. Tại Việt Nam có PAPO, Eurotech; nhập khẩu có Aluprof (Ba Lan), Romadio (Italy).

Độ dày profile:

1.2 - 2.0 mm; mặt nhìn 20-70 mm; chiều sâu 40-120 mm. Hỗ trợ kính đơn 8-12 mm, kính hộp 20-39 mm, laminated 6.38-12.38 mm.



Công nghệ:

Gioăng EPDM, phụ kiện inox 304, ray trượt 80-300 kg. Sơn tĩnh điện, anodized, PVDF, Two-Tone. Hiệu suất: chịu gió C3-C5, kín nước 600-900 Pa, cách âm 32-42 dB.

Các hệ nhôm:

- Fixed Slim (vách cố định)
- Casement Slim (mở quay)
- Sliding Slim (trượt mảnh)
- Lift & Slide Slim (nâng trượt)
- Slim Corner (góc kính 90° không cột)



Ưu điểm:

- Khung mảnh - ánh sáng lớn
- Thẩm mỹ hiện đại
- Kín nước - chịu gió tốt
- Phù hợp cửa lớn.

Nhược điểm:

- Giá cao
- Yêu cầu phụ kiện tốt
- Thi công cần đơn vị có kinh nghiệm



NHÔM XINGFA

Nguồn gốc - Sản xuất: _____

Nhôm Xingfa nội địa hóa, sản xuất tại các nhà máy lớn trong nước: Xingfa Việt Nam, Xingfa Window, Tiến Đạt, Nam Sung, Đông Á, Việt Pháp.

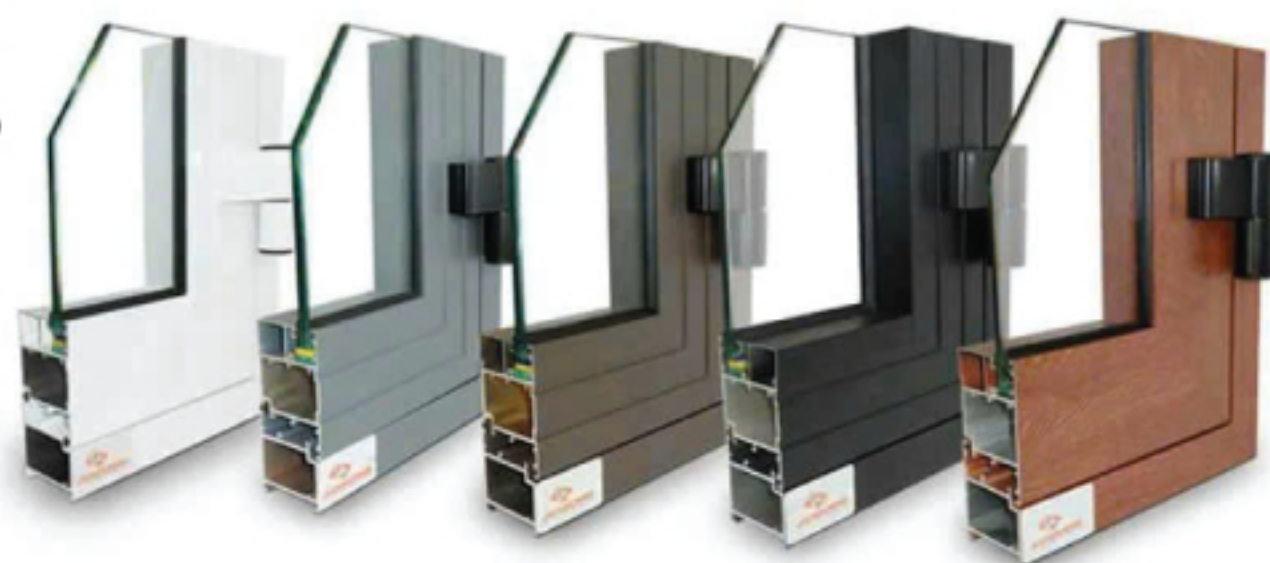
Công nghệ: _____

Sơn tĩnh điện ngoài trời; anod cho dòng cao cấp; PVDF cho mặt dựng; một số có sơn vân gỗ.

Dòng phổ biến, bền và hiệu quả

Độ dày profile: _____

- Hệ 55: 1.2–1.6 mm (cao cấp 1.8–2.0 mm)
- Hệ 93: 1.4–2.0 mm
- Hệ 65/1000: 1.6–2.5 mm
- Hệ phổ thông: 0.9–1.2 mm



Các hệ thịnh hành: _____

- 55 - mở quay/hất
- 93 - cửa lùa
- 65 - cửa lớn, vách kính
- 1000 - cửa đại sảnh
- 38/48/50/52 - phổ thông, giá rẻ

Ưu điểm: _____

- Giá tốt
- Dễ thi công
- Phụ kiện phổ thông
- Đa ứng dụng

Nhược điểm: _____

- Chất lượng không đồng đều
- Dòng giá rẻ profile mỏng
- Màu sơn không sâu bằng nhôm nhập khẩu

